

Số: 05/2022/QĐST-DS

Quỳnh Lưu, ngày 28 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 31/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Khối A, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

- Đồng bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1978

Anh Văn Đức H, sinh năm 1981

Cùng trú tại: Khối M, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chị Trần Thị H và anh Văn Đức H đồng ý chịu trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị H 02 cây 05 chỉ vàng 9999, tương đương với số tiền 137.500.000đ (Một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo giấy viết tay ngày 02/12/2020, chị H không yêu cầu lãi suất.

2.2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H thỏa thuận chịu 1.719.000đ (Một triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007842 ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 1.718.000đ (Một triệu bảy trăm mười tám nghìn đồng).

Chị Trần Thị H và anh Văn Đức H thỏa thuận chịu 1.719.000đ (Một triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng), ký phần của mỗi người là $\frac{1}{2}$ số tiền 1.719.000đ.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự,
- VKSND h. Quỳnh Lưu,
- TAND tỉnh Nghệ An,
- VKSND tỉnh Nghệ An,
- CCTHADS h Quỳnh Lưu,
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Hà

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).